

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ MAY MẶC JJL

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của NHÀ MÁY MAY MẶC JJL GLOBAL

- **Địa điểm:** Lô D1 – 1a, Khu Công nghiệp TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

BẾN CẦU, THÁNG 09 NĂM 2023

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ MAY MẶC J JL

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của NHÀ MÁY MAY MẶC J JL GLOBAL

- **Địa điểm:** Lô D1 – 1a, Khu Công nghiệp TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CHỦ ĐẦU TƯ

BẾN CẦU, THÁNG 9 NĂM 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG	ii
DANH MỤC HÌNH ẢNH	iii
DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	iv
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lịch sử hình thành Cơ sở.....	1
2. Các văn bản pháp lý của dự án.....	2
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
1. Tên chủ dự án.....	4
2. Tên cơ sở.....	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở.....	9
5. Các thông tin khác của cơ sở.....	13
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	19
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	21
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	27
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	27
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	30
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	35
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải.....	35
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải.....	36
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	36
4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải.....	36
Chương V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	39
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:.....	39
2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá giám sát chất thải rắn và CTNH.....	40
Chương VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	41

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu và hóa chất sử dụng tại Dự án	9
Bảng 1.2. Thành phần và tính chất của một số nguyên liệu, hóa chất sử dụng tại Dự án.....	11
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Dự án	12
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	12
Bảng 1.5. Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án.....	13
Bảng 1.6. Bảng thống kê tọa độ các mốc ranh giới khu đất	14
Bảng 1. 7. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	15
Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình của cơ sở	17
Bảng 3. 1. Khối lượng phát thải chất thải rắn sinh hoạt.....	28
Bảng 3. 2. Khối lượng phát thải chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	29
Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng phát sinh chất thải nguy hại.....	30
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn đối với độ ồn.....	36
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	36
Bảng 4. 3. Danh mục chất thải nguy hại đề nghị cấp phép.....	36
Bảng 4. 4. Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đề nghị cấp phép.....	37
Bảng 4. 5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh xin cấp phép	38
Bảng 5. 1. Kế hoạch quan trắc môi trường	40

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình may trang phục tại dự án6
Hình 1.2. Hình ảnh minh họa một số công đoạn sản xuất của Cơ sở9
Hình 1. 3. Vị trí tọa độ khu đất thực hiện dự án14
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa..... 21
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy22
Hình 3. 3. Kết cấu của bể tự hoại 3 ngăn.....23
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ HTXL NT công suất 110 m³/ngày.đêm.....25
Hình 3.5. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt của dự án28

DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BQL	: Ban quản lý
BVMT	: BVMT
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: HTXLNT
KCN	: Khu công nghiệp
KKTCK	: Khu kinh tế cửa khẩu
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy Chuẩn Việt Nam
Sở TN&MT	: Sở Tài nguyên và Môi trường
SS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
XLNT	: Xử lý nước thải

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lịch sử hình thành Cơ sở

Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc tế may mặc JIL là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất ngành may mặc với 100% vốn nước ngoài (Trung Quốc) tại Lô D1 và D1-1a, Khu công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3901292949 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8784228970 chứng nhận lần đầu ngày 18/12/2019 và thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2023 để thực hiện Dự án “Nhà máy may mặc JIL Global” tại lô D1 và D1-1a, KCN TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 8664/STNMT-PBVMT ngày 23/12/2020 Dự án Nhà máy may mặc JIL Global.

Hiện tại, Công ty chuẩn bị vào giai đoạn vận hành thử nghiệm với công suất sản xuất đã đăng ký 8.000.000 sản phẩm/năm. Do đặc thù của ngành nghề sản xuất hàng may mặc, công ty chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt và được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể tách rác, bể tách dầu mỡ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN TMTC; không có công trình xử lý khí thải chỉ có thiết bị thu gom bụi đi kèm theo một số máy may, máy vét sô; chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10,6 tấn/năm.

Căn cứ theo:

- Phụ lục I của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Dự án có tổng vốn đầu tư là 204.160.000.000 VNĐ (Hai trăm lẻ bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) thuộc **nhóm B** (có tổng vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng);
- Phụ lục II của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì Dự án **không** thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

- Mục số 2, Phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì Dự án thuộc **Nhóm II**, cụ thể “*Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.*”
- Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

Do đó, Công ty TNHH Quốc tế may mặc JIL tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Nhà máy may mặc JIL Global” tại lô D1 và D1-1a, KCN TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục **VIII** ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và trình lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh để được cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

2. Các văn bản pháp lý của dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901292949 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8784228970 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18/12/2019 và thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2023 giấy do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp;
- Hợp đồng thuê lại đất giữa Công ty JIL và Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp TMTC ký ngày 15/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2020/HĐTĐ/TMTC-JIL INTER với tổng diện tích 40.000,36 m²;
- Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may và công nghiệp hỗ trợ TMTC, quy mô 108,11 ha” của Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp TMTC” số 1869/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 8 năm 2017;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 8664/STNMT-PBVMT ngày 23/12/2020 Dự án Nhà máy may mặc JIL Global.
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác thải sinh hoạt số 2023/HD/JIL-VNS ngày 14/04/2023 giữa Công ty TNHH Quốc tế may mặc JIL và Công ty TNHH Môi Trường Việt Nam Sạch (hiệu lực hợp đồng đến ngày 25/12/2023)

Các văn bản pháp lý được đính kèm tại phụ lục 1 của báo cáo.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ MAY MẶC JJJ

- Địa chỉ văn phòng: Lô D1 và D1 – 1a, Khu Công nghiệp TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (86) 139 015 66883
- Người đại diện: FENG, YANPING
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 204.160.000.000 (hai trăm lẻ bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), tương đương 8.800.000 USD (tám triệu tám trăm ngàn đô la Mỹ).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901292949 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 8784228970 chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18/12/2019 và thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2023 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp.

2. Tên cơ sở

NHÀ MÁY MAY MẶC JJJ GLOBAL

- Địa điểm cơ sở: Lô D1 và D1 – 1a, Khu Công nghiệp TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
- Quy mô của cơ sở:
 - + **Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công:** Xác định theo Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Dự án có tổng vốn đầu tư là 204.160.000.000 VNĐ (Hai trăm lẻ bốn tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), thuộc tiêu chí đầu tư nhóm B (có tổng vốn đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng);
 - + **Phân loại theo Luật bảo vệ môi trường:** Cơ sở không thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP mà thuộc Dự án đầu tư nhóm II căn cứ theo quy định tại khoản 2, mục I, Phụ lục IV ban hành

kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

Căn cứ theo khoản 2, mục I, Phụ lục IV Danh mục dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Khoản 4, Điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: “*Dự án nhóm A và nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường*”.

Căn cứ Khoản 2, Điều 39 và Điểm c, Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, giấy phép môi trường của Cơ sở do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

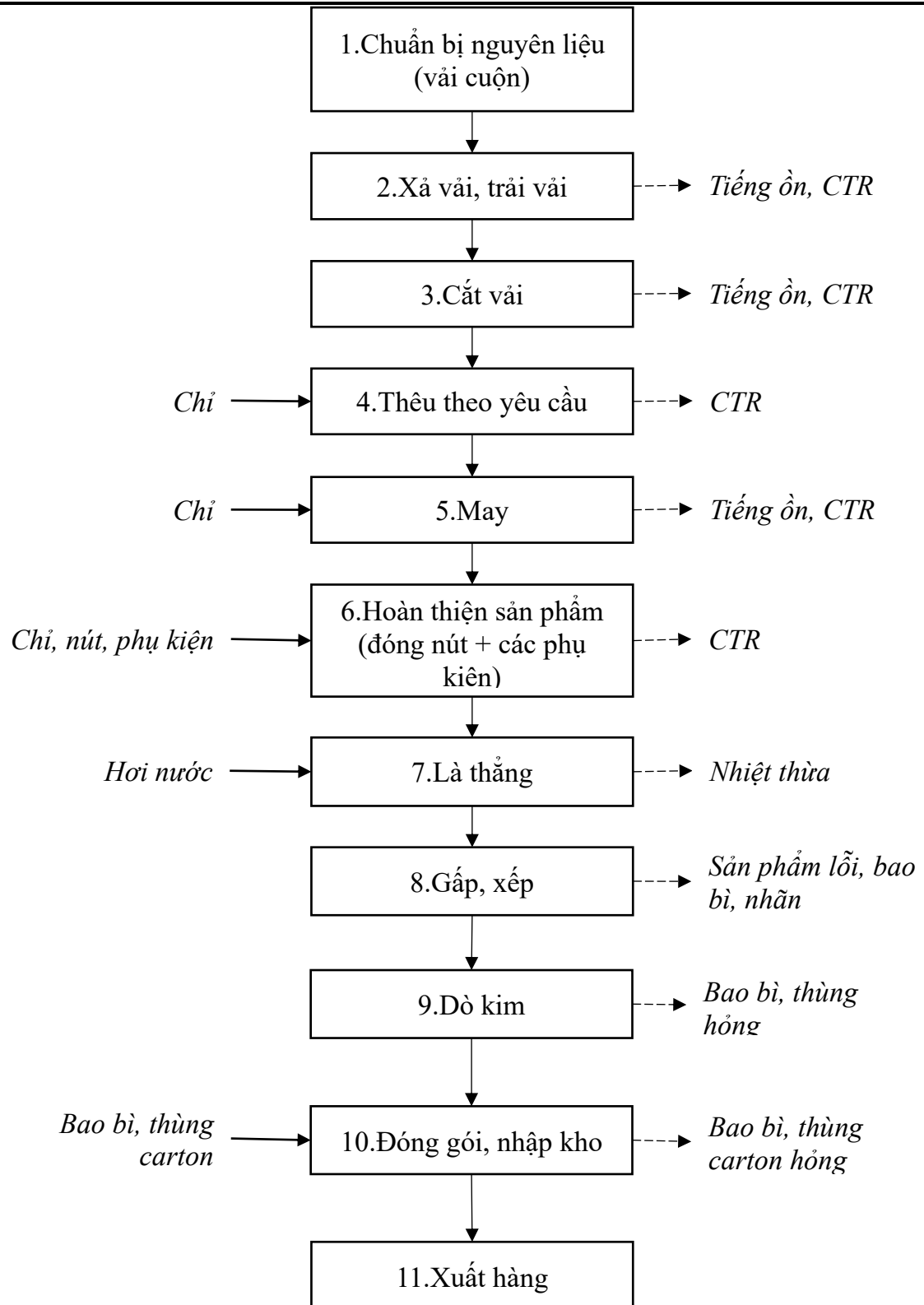
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Nhà máy sản xuất sản phẩm may mặc với công suất 8.000.000 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Đây là dự án đầu tư mới hoàn toàn, các thiết bị được lắp đặt mới 100%.

Quy trình sản xuất trang phục như sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình may trang phục tại dự án

Thuyết minh quy trình:

1. Chuẩn bị nguyên liệu (vải cuộn):

Nguyên vật liệu gồm vải, phụ liệu ngành may (kim, chỉ, dây khóa, nút, mạc,...) được nhập về sau đó lưu trữ trong kho chứa nguyên liệu. Khi có nguyên liệu thì nhân

viên sẽ tiến hành kiểm tra nguyên liệu, độ màu, độ co giãn. Sau đó thiết kế rập và lên sơ đồ thực hiện kế hoạch cắt.

2. Xả vải, trải vải

Đầu tiên, vải cuộn được đưa ra xả cuộn trước; quá trình xả cuộn có mục đích xả vải ra khỏi cây vải nhằm giúp cho vải ổn định sau thời gian bị quấn và kéo căng. Sau đó, vải được đưa qua máy trải vải trước khi cắt, quá trình này trải vải qua các bước sau:

- + Trải sơ đồ cần cắt lên bàn cắt để xác định độ dài, đánh dấu để đảm bảo các lớp vải không bị ngắn hơn so với chiều dài của sơ đồ.

- + Trải từng lớp vải theo chiều dài đã đánh dấu lên bàn cắt (khi trải phải giữ cho một bên biên vải bằng nhau); dùng thước gỗ dài để vuốt thẳng mặt vải.

3. Cắt vải

Khi công đoạn trải vải đã hoàn chỉnh thì sẽ được may cắt, cắt thành nhiều kiểu có kích thước theo mẫu, theo các hình rập có sẵn do bộ phận mẫu thiết kế. Sau khi cắt, vải sẽ được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

4. Thêu theo yêu cầu

Vải sau quá trình cắt sẽ là nguyên liệu đầu vào cho quá trình thêu. Sau đó, vải sẽ được cố định lên khuôn thêu. Tiếp theo, vải cần thêu sẽ được trải lên trên máy thêu vi tính để thực hiện quá trình thêu. Máy thêu vi tính hoạt động nhờ những mẫu thêu được lập trình từ máy vi tính, sau đó mẫu được chép vào đầu đĩa của máy thêu. Sau khi cài đặt chương trình, máy sẽ chạy đúng mẫu đã lập trình.

Ưu điểm của thêu vi tính là thêu được số lượng hàng lớn trong thời gian ngắn, chất lượng sản phẩm cao, tinh xảo từng đường nét, đồng nhất mẫu mã mà thêu tay và thêu máy công nghiệp không đáp ứng được. Quá trình này không sử dụng hóa chất.

Sau khi thêu, vải đã thêu được kiểm tra đạt tiêu chuẩn sẽ được cắt chỉ trước khi lưu kho chuyên qua công đoạn may của Công ty.

5. May

Sau khi vải cắt xong và thêu theo yêu cầu của khách hàng sẽ được chuyển vào dây chuyền may. Tại đây các công việc cuốn biên, vắt sò, cắt chỉ và may ráp thành các bán thành phẩm. Kết thúc công đoạn may, bán thành phẩm sẽ được kiểm tra về đường li và mũi kim may. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển qua công đoạn tiếp theo.

6. Hoàn thiện sản phẩm (đóng nút + các phụ kiện)

Bán thành phẩm sau khi may sẽ được chuyên qua công đoạn hoàn thiện sản phẩm bằng việc đóng khuy, nút và thêm các phụ kiện trang trí.

7-8. Là thẳng, gấp xếp

Tiếp đó, sản phẩm sẽ được ủi để tạo kiểu, làm phẳng mịn đường may cho sản phẩm, sau đó được gấp lại để dễ dàng cho việc đóng gói.

9. Dò kim

Trước khi được đóng gói, sản phẩm được dò kiểm tra kim hoặc kim loại dính trên sản phẩm.

10-11. Đóng gói, nhập kho, xuất hàng

Sản phẩm được đóng gói và được công nhân vận chuyển để kho lưu chứa, chờ giao cho khách hàng.

Một số hình ảnh sản xuất hàng may mặc xuất khẩu được tham khảo từ các dự án tương tự:



Công đoạn xả vải



Công đoạn trải vải



Công đoạn may



Công đoạn may



Công đoạn kiểm hàng



Công đoạn ủi



Công đoạn xếp hàng



Công đoạn đóng gói thành phẩm

Hình 1.2. Hình ảnh minh họa một số công đoạn sản xuất của Cơ sở

3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở là may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở

- *Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu, hóa chất*

Nhu cầu nguyên, vật liệu và hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu và hóa chất sử dụng tại Dự án

STT	Tên nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp	Mục đích sử dụng
Nhu cầu nguyên liệu chính					
1	Vải chức năng công dụng khử mùi, kháng Uv, kháng khuẩn...	Tấn/năm	3.000	Việt Nam, Trung Quốc	Phục vụ toàn quy trình may trang phục
	Vải sợi từ thiên nhiên	Tấn/năm	3.000		
2	Chỉ may, thêu các loại	Cuộn/năm	450.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	90		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng (tấn/năm)	Nguồn cung cấp	Mục đích sử dụng
3	Dây kéo	Cái/năm	18.750.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	150		
4	Nút	Cái/năm	120.000.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	120		
5	Tem nhãn (vải)	Cái/năm	20.000.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	1,06		
6	Mạc vải	Cái/năm	20.000.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	12		
7	Nhãn treo (giấy)	Cái/năm	50.000.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	40		
8	Dây đai nhám	Mét/năm	1.300.000	Việt Nam, Trung Quốc	
		Tấn/năm	130		
9	Dây chun	Mét/năm	1.700.000	Việt Nam, Tiling Quốc	
		Tấn/năm	85		
10	Bao bì thùng carton	Tấn/năm	108,80	Việt Nam	Đóng gói
Nguyên vật liệu, hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải					
11	NaOH	Tấn/năm	1,83	Việt Nam	Vận hành HTXL nước thải
12	Mật rỉ đường	Tấn/năm	3,65	Việt Nam	
13	Chlorine	Tấn/năm	2,19	Việt Nam	
Tổng (tấn/năm)			6.745	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc tế May Mặc JLL)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Thành phần và tính chất của một số loại hóa chất sử dụng tại Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.2. Thành phần và tính chất của một số nguyên liệu, hóa chất sử dụng tại Dự án

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Tên thương mại	Thành phần, công thức hóa học	Độc tính
1	Dầu diesel	Dầu diesel	Thành phần: Dầu khoáng tinh chế cao (C15-50): 70=99% Dạng lỏng, màu hổ phách. Hòa tan trong hydrocacbon, không tan trong nước. Điểm chớp cháy 215°C.	Mắt: Tiếp xúc với mắt có thể gây đau kéo dài hoặc nghiêm trọng. Da: Không có khả năng gây hại khi tiếp xúc ngắn hoặc không thường xuyên. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây rối loạn. Hít phải: Có thể gây kích ứng. Nuốt phải: Có thể gây buồn nôn và tiêu chảy.
2	NaOH	Sodium carbonate	Công thức hóa học: NaOH Chất lỏng, không màu, không mùi Tan trong nước ở 20°C	Chất ăn mòn nhóm E, Độc hại khi hít phải. Phá hủy nghiêm trọng các mô của màng niêm mạc và đường hô hấp trên. Độc hại khi tiếp xúc qua da. Gây bỏng da. Gây bỏng mắt. Độc hại khi nuốt phải.
3	Chlorine	Calcium Hypochlorite	CTHH: Ca(ClO) ₂ Chất bột, dạng hạt, màu trắng hoặc xám trắng, tan trong nước Chất oxy hóa mạnh, tiếp xúc với vật liệu cháy có thể dẫn đến cháy.	Đường mắt: Gây dị ứng có thể gây bỏng nghiêm trọng. Đường thở: Gây dị ứng đường hô hấp, tùy thuộc mức độ hít phải. Đường da: Gây dị ứng da Đường tiêu hóa: Gây nôn mửa.

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- *Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Dự án được thể hiện trong bảng sau:*

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Dự án

Tên	Đơn vị	Giá trị	Mục đích sử dụng
Dầu DO	Tấn/năm	12,5	Vận hành máy móc, thiết bị, xe nâng

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

- *Nhu cầu điện*

Nguồn cung cấp: Lưới điện quốc gia thông qua mạng lưới cấp điện của KCN TMTC.

Tổng nhu cầu sử dụng điện của dự án ước tính khoảng 50.000 KWh/tháng khi đi vào hoạt động ổn định (bao gồm điện cho sản xuất và chiếu sáng).

- *Nhu cầu nhân lực*

- Số công nhân viên tại dự án là 1.500 người.
- Thời gian làm việc: 3 ca/ngày, 8h/ca, 500 người/ca.

- *Nhu cầu nước*

- *Nguồn cung cấp từ:* Lấy từ hệ thống cấp nước của KCN TMTC.
- *Nhu cầu sử dụng nước:*

Căn cứ vào quy mô đầu tư và mục đích sử dụng, nhu cầu sử dụng nước của dự án được liệt kê ở bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

STT	Nhu cầu dùng nước	Nhu cầu m ³ /ngày	Ghi chú
1	Sinh hoạt của công nhân viên	67,5	Dự án có 1.500 người, lượng nước cần cho nhu cầu sinh hoạt là 45 lít/người/ngày, tương đương 67,5 m ³ /ngày.
2	Nước cấp cho nhà ăn	24	Dự án có 1.500 người, lượng nước cần cho nhà ăn là 16 lít/người/ngày, tương đương 24 m ³ /ngày.
3	Tưới cây	25	Nước tưới cây 3 lít /m ² theo QCVN 01:2008/BXD, chỉ tưới khi trời nắng, 8.338,81 m ² cây xanh, tương đương 24 m ³ /ngày.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Nhu cầu dùng nước	Nhu cầu m³/ngày	Ghi chú
4	Rửa đường	4	Nước rửa đường 0,5 lít/m ² theo QCVN 01:2008/BXD, diện tích đường là 7.849,03 m ² , tương đương 3,01 m ³ /ngày.
Tổng		120,5	

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được dự báo như sau:

Bảng 1.5. Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án

STT	Hoạt động phát sinh nước thải	Lưu lượng thải (m³/ngày)	Tính toán	Biện pháp xử lý trong giai đoạn nâng công suất
1	Nước thải sinh hoạt	67,5	Bằng 100% nước cấp	- Nước thải từ bồn cầu (khoảng 40% lượng nước thải sinh hoạt): Xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn → Dẫn về HTXL NT của dự án → Đầu nối vào hố ga thoát nước thải của KCN. - Nước thải từ bồn rửa tay, nước rửa sàn (khoảng 60% lượng nước thải sinh hoạt) → Dẫn về HTXL NT của dự án → Đầu nối vào hố ga thoát nước thải của KCN.
2	Nước thải nhà ăn	24	Bằng 100% nước cấp	Dẫn về HTXL nước thải của dự án → Đầu nối vào hố ga thoát nước thải của KCN.
Tổng		91,5	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

5. Các thông tin khác của cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Dự án được thực hiện tại Lô D1 và D1 - la, KCN TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh trên tổng diện tích 40.000,36 m².

a) Mốc tọa độ

Khu đất thực hiện dự án được xác định bởi mốc tọa độ như sau (hệ tọa độ VN2000 khu vực tỉnh Tây Ninh, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°). Tọa độ các mốc ranh giới khu đất thực hiện dự án như sau:

Bảng 1.6. Bảng thống kê tọa độ các mốc ranh giới khu đất

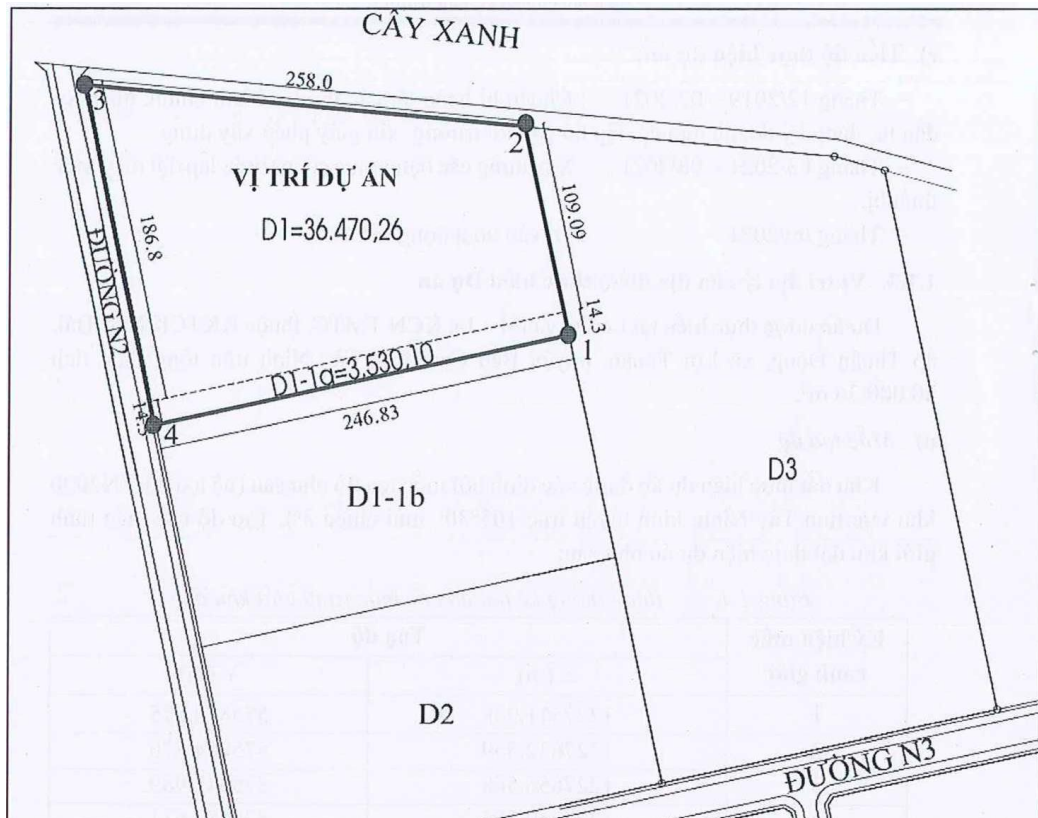
Ký hiệu mốc ranh giới	Tọa độ	
	X (m)	Y(m)
1	1227511.938	575830.875
2	1227632.559	575804.870
3	1227656.548	575547.989
4	122745 9.796	575589.611

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

b) Các hướng tiếp giáp

- Phía Bắc: Giáp đường N18, đối diện là dải cây xanh của KCN.
- Phía Tây: Giáp đường N2, đối diện là đất trống của KCN.
- Phía Đông: Giáp lô D3, khu đất trống - dự án khác cùng chủ đầu tư với dự án
- Phía Nam: Giáp D1-lb, đất trống của KCN.

Vị trí dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1. 3. Vị trí tọa độ khu đất thực hiện dự án

5.2. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Bảng 1. 7. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng		Công suất	Tình trạng	Xuất xứ
		Đơn vị	Giá trị			
Máy móc chính và phụ trợ cho quá trình sản xuất						
1	Máy cắt tự động	4	máy	30 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
2	Máy kéo vải	10	máy	1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
3	Máy cắt vải	8	cây	0,1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
4	Máy may tự động đường thẳng	360	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
5	Máy vắt sủ 4 chỉ tự động cắt chỉ	300	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
6	Máy lăn cỏ áo	60	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
7	Máy may tự động cắt chỉ dạng thường	60	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
8	Máy may tự động cắt chỉ dạng đầu vuông nhỏ	80	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
9	Máy may tự động cắt chỉ dạng ống	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
10	Máy khâu khuy tự động	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
11	Máy đóng nút tự động	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
12	Máy thắt nơ tự động	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
13	Máy may kiểu tự động	2	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
14	Máy may đường cong ngoài	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
15	Máy kéo eo thẳng	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
16	Máy kim ba góc thẳng	4	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
17	Máy ghép 6 chỉ 4 kim	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
18	Máy may hai kim tự động	8	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng		Công suất	Tình trạng	Xuất xứ
		Đơn vị	Giá trị			
19	Máy đóng nút tia hồng ngoại	5	máy	0,3 Kw/h	Mới 100%	Tiling Quốc
20	Máy dập/ủ nhân nóng	5	máy	1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
21	Máy cắt theo khuôn tự động	10	máy	2 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
22	Máy cắt theo khuôn	1	máy	3 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
23	Bàn dập/ủ	80	máy	1,1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
24	Máy kiểm kim	4	máy	1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
25	Máy thêu	20	máy	2 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
26	Máy cắt laser	2	máy	2 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
27	Máy nén khí	2	bộ	110 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
28	Bàn xếp vải	320	bàn	-	Mới 100%	Trung Quốc
29	Bàn cắt dạng đệm khí	10	bộ	6 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
30	Bàn máy may	8	bộ	-	Mới 100%	Trung Quốc
31	Bàn phân chia sản phẩm	10	bộ	-	Mới 100%	Trung Quốc
32	Bàn kiểm nghiệm	10	bàn	-	Mới 100%	Trung Quốc
33	Kéo cắt vải tự động	10	cây	1 Kw/h	Mới 100%	Trung Quốc
Máy móc thiết bị cho công trình bảo vệ môi trường						
34	HTXL nước thải	HT	1	110 m ³ /ngày	Mới 100%	Trung Quốc, Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Khu đất dự án tại tại Lô D1 và D1 - 1a, KCN TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến cầu, tỉnh Tây Ninh có tổng diện tích 40.000,36 m².

Các hạng mục công trình của dự án như sau:

Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Số tầng	Kích thước (RxD)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
Các hạng mục công trình chính					
1	Nhà xưởng may số 1	1	53,11m x 166m	8.816	22,04
2	Nhà xưởng may số 2	1	53,11m x 166m	8.816	22,04
3	Nhà kho vải thô	1	31m x 100m	3.100	7,75
Các hạng mục công trình phụ					
1	Nhà ăn	1	18m x 55m	990	2,47
2	Nhà xe 2 bánh	2	28m x 55m	1540	3,85
3	Phòng điện + phòng máy nén khí + phòng bơm	1	12m x 14m	168	0,42
4	Nhà bảo vệ	1	3m x 5m	15	0,04
Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường					
1	Bể PCCC 750 m ³	1	14m x 19m	266	-
2	Hệ thống xử lý nước thải	-	4,8-9,8m x 15m	110	0,27
3	Nhà chứa CTNH	1	5m x 13m	65	0,16
4	Nhà chứa CTTT	1	8m x 14m	192	0,48
A	Tổng diện tích xây dựng			23.812,52	59,53
C	Cây xanh			8.338,81	20,85
D	Đường, sân bãi			7.849,03	19,62
TỔNG				40.000,36	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

5.4. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

- *Nguồn tiếp nhận nước thải*

Nước thải phát sinh từ Nhà máy sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và bể lắng dầu mỡ sẽ được thu gom và đấu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của hành modul số 2 của Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho KCN, công suất thiết kế 10.000 m³/ngày. Xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K_q=K_f=0,9 sau đó thải vào kênh Địa Xù.

- *Nguồn tiếp nhận khí thải của dự án*

Loại hình sản xuất của Cơ sở là sản xuất hàng may mặc không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở chủ yếu phát sinh bụi, không phát sinh khí thải.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

➤ *Sự phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội*

Nhà máy được quy hoạch trong KCN TMTC đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Vị trí nhà máy định vị tại KCN TMTC với cơ sở hạ tầng đã được trang bị đầy đủ và thuận lợi cho các nhà đầu tư. Cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ cho nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp như đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, chất thải rắn.... đã được trang bị sẵn.

Dự án có vị trí thuận tiện cho việc chuyên chở nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối sản phẩm:

- + Khu công nghiệp TMTC có tuyến đường Quốc lộ 22, Quốc lộ 22B chạy qua.
- + Cách biên giới Capuchia 4km về hướng Tây, thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán với nước ngoài.
- + Gần khu vực dự án tiếp giáp nhiều kênh, rạch và sông Vàm cỏ Đông thuận lợi cho việc phát triển giao thông đường thủy.

Hoạt động của dự án sẽ thu hút nguồn lao động tại địa phương, giải quyết vấn đề việc làm, góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Như vậy, hoạt động của dự án là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội...

➤ *Sự phù hợp về địa điểm*

Nhà máy hoạt động tại địa chỉ Lô D1 và D1 - 1a, KCN TMTC, thuộc KKTCK Mộc Bài, ấp Thuận Đông, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã có Hợp Đồng Thuê Lại Đất Số 001/15.01.2020/TMTC được lập vào ngày 15/01/2020 tại văn phòng Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp TMTC đối với Công ty TNHH Quốc tế may mặc JIL với tổng diện tích 40.000,36 m².

Bên cạnh đó, KCN TMTC đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1869/QĐ-BTNMT ngày 03/08/2017 và văn bản số

4964/BTNMT- TCMT về việc thay đổi nội dung của báo cáo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp dệt may và công nghiệp hỗ trợ TMTC, quy mô 108,11 ha” ngày 13/09/2018 (*Văn bản pháp lý liên quan đính kèm phụ lục báo cáo*).

Các ngành nghề thu hút đầu tư của KCN TMTC như sau: Sản xuất may các sản phẩm từ da, ngành hóa chất (ngoại trừ các ngành sản xuất hóa chất cơ bản), dược phẩm, mỹ phẩm, nhựa, chất dẻo; sản xuất, chế tạo các loại sợi nhân tạo (có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất); chế biến gỗ; sản xuất đồ kim hoàn.

Vì vậy hoạt động của nhà máy là may trang phục, nằm trong các ngành nghề cho phép, hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển ngành đầu tư của Khu công nghiệp TMTC.

➤ *Về Hệ thống giao thông*

Hệ thống giao thông bao gồm: Đường chính khu vực công nghiệp và đường nội bộ KCN.

– *Đường chính khu vực ngoài KCN gồm:*

– Khu công nghiệp TMTC có tuyến đường Quốc lộ 22, Quốc lộ 22B chạy qua.
– Cách biên giới Capuchia 4km về hướng Tây, thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán với nước ngoài.

– Gần khu vực dự án tiếp giáp nhiều kênh, rạch và sông Vàm cỏ Đông thuận lợi cho việc phát triển giao thông đường thủy.

– *Đường nội bộ KCN gồm:*

Đường nội bộ trong KCN được thiết kế: Tốc độ thiết kế 40 km/h. Tải trọng trục thiết kế 12 tấn/trục, độ dốc ngang mặt đường 2%, độ dốc lớn nhất 6%.

Các đường nội bộ có kích thước như sau: Lộ giới 18m, mặt đường rộng 8m, vỉa hè 2 bên X 5m.

Khu vực KCN TMTC khá thuận lợi về giao thông. Hiện các tuyến giao thông chính và nội bộ trong KCN về cơ bản đã hoàn thiện.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hệ thống xử lý nước thải

Đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của Khu công nghiệp TMTC đối với hoạt động của cơ sở:

KCN TMTC đã xây dựng và đưa vào vận hành modul số 2 của Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho KCN, công suất thiết kế 10.000 m³/ngày. Đồng thời, KCN đã

xây dựng hồ sục cố, dung tích khoảng 44.840 m³. Hồ sục cố đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 30/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nước sau HTXL NT tập trung của KCN đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0); QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q=0,9, K_f=0,9); QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm (cột A, K_q=0,9, K_f=0,9).

Khi Dự án đi vào hoạt động với lưu lượng phát thải lớn nhất của dự án là 91,5 m³/ngày đêm, nhà máy XLNT tập trung của KCN hoàn toàn có đủ khả năng tiếp nhận và xử lý lượng nước thải này.

Mạng lưới thoát nước mưa:

- KCN đã xây dựng mạng lưới thu gom nước mưa rồi thoát ra kênh Đìa Xù với 05 cửa xả

- Lưu vực phía Tây Bắc KCN: Nước mưa được thoát ra kênh Đìa Xù qua cửa xả số 1, 2, 3 và 4.

- Lưu vực phía Tây Nam KCN: Nước mưa được thu gom vào 02 hồ cảnh quan ở phía Nam KCN (hồ cảnh quan số 01 có thể tích khoảng 30.900 m³ và hồ cảnh quan số 02 có thể tích khoảng 19.562 m³, hai hồ này được nối thông nhau bằng đường cống ngầm) sau đó xả ra kênh Đìa Xù tại cửa xả số 05.

Đối với khí thải

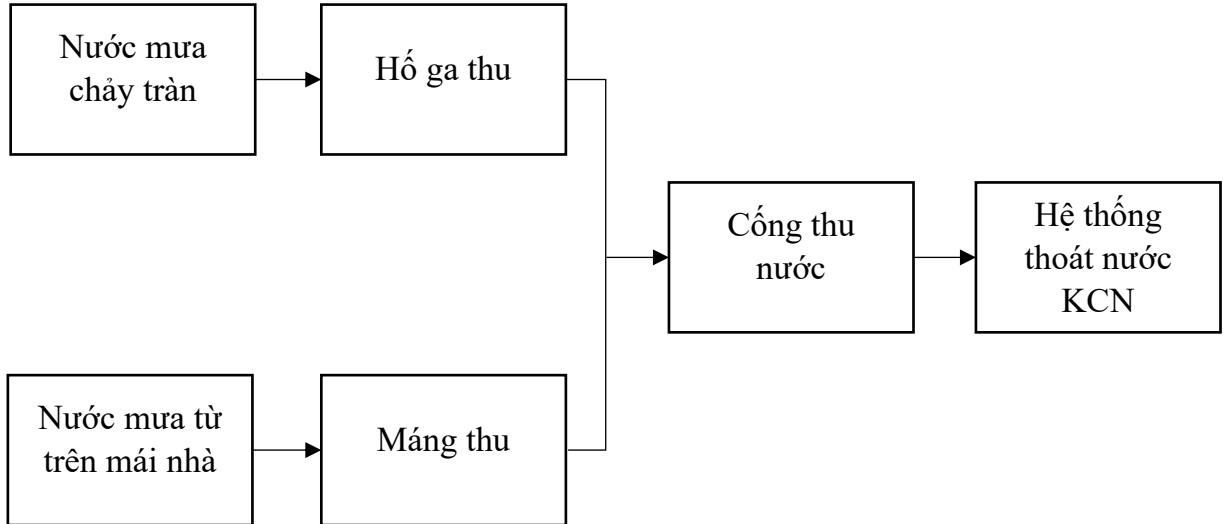
Trong quá trình hoạt động sản xuất, nhà máy chủ yếu phát sinh bụi tại công đoạn cắt, may. Không làm phát sinh khí thải công nghiệp cần phải xử lý. Vì vậy, nhà máy không gây tác động xấu đến môi trường không khí xung quanh.

Chương III

**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế và xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

Hệ thống này bao gồm:

- Các máng thu nước mưa được bố trí trên mái phân xưởng để thu gom nước mưa từ trên mái đổ xuống.
- Các hố ga thu nước mưa xây dựng quanh khu vực thu gom nước mưa chảy tràn trên khu vực sân bãi.
- Các mương, rãnh thoát nước kín xây dựng xung quanh phân xưởng, tập trung nước mưa từ các máng thu và dẫn đến cống thoát nước mưa của khu vực nhà xưởng.
- Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố ga thu nước mưa xây dựng dọc theo lề đường, từ đó dẫn đến cống thoát nước mưa của phân xưởng.
- Nước mưa từ cống thoát nước mưa của phân xưởng sẽ được dẫn tới hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các công tác sau:

- Thường xuyên nạo vét thông dòng chảy để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để, không ứ đọng, ngập lụt.

- Để hạn chế mức thấp nhất lượng tạp chất bị cuốn theo nước mưa vào môi trường xung quanh, nhà máy thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực xung quanh nhà xưởng, kho bãi và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải sinh hoạt và sản xuất trong khu vực Công ty.

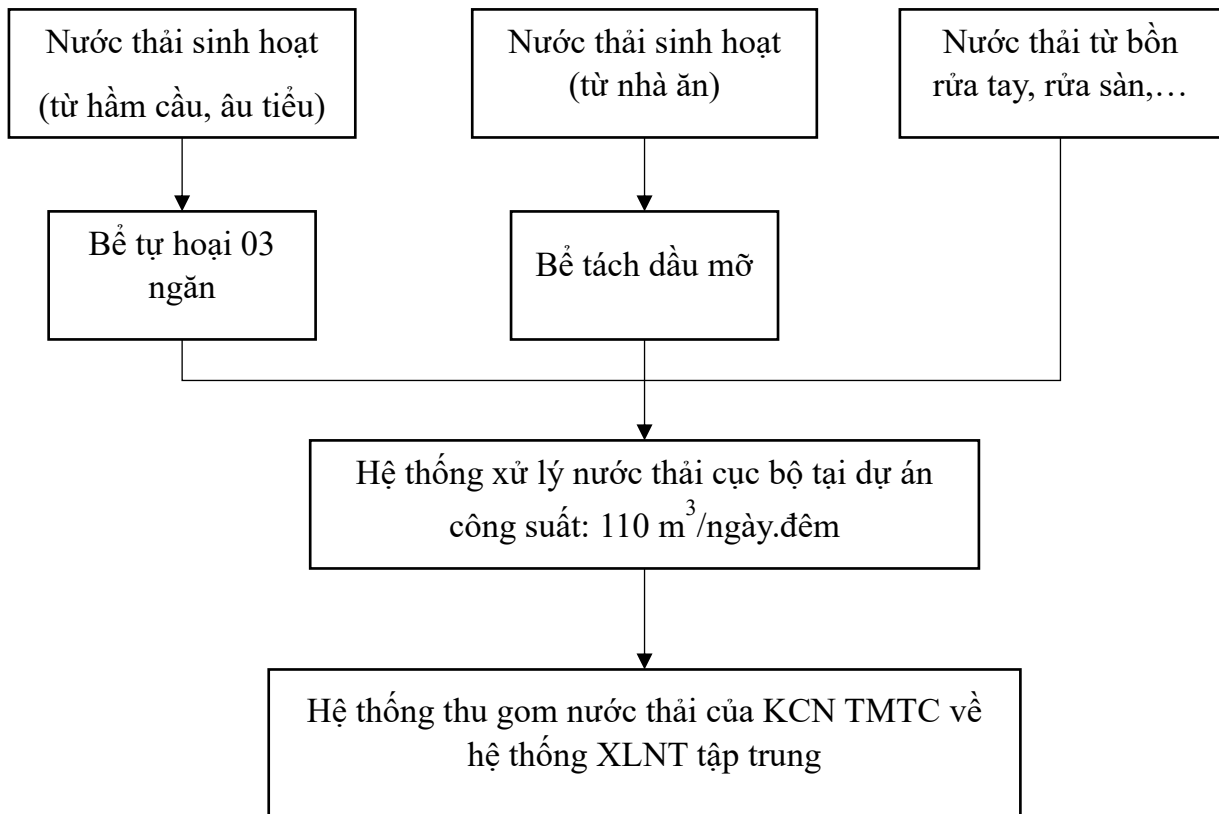
1.2. Thu gom, thoát nước thải

Mạng lưới thu gom nước thải:

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh của nhà máy được thu gom và xử lý như sau:
+ Nước thải từ rửa tay, lavabo, lau sàn: theo mạng lưới ống thoát nước thải vào các hố ga thu gom nước thải và đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN TMTC.

+ Nước thải từ hầm cầu, âu tiêu: Theo đường ống dẫn riêng để tập trung vào các bể tự hoại nhằm xử lý sơ bộ và giữ lại phần cặn bã. Phần nước thải sau bể tự hoại cũng được tập trung vào các hố ga thu gom nước thải và đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN TMTC.

+ Nước thải từ nhà ăn: theo đường ống dẫn riêng được tập trung vào bể tách dầu mỡ nhằm xử lý sơ bộ. Phần nước thải sau bể tách dầu mỡ được tập trung vào các hố ga thu gom nước thải và sau đó đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN TMTC.



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy

Mạng lưới thoát nước thải:

Nước thải nhà ăn và nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý thải tập trung của KCN. Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN theo hợp đồng thuê đất số 01.2020/HĐTĐ/TMTC-JJL INTER đã ký 15/01/2020 (*Đính kèm phụ lục*) và đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN TMTC.

Điểm xả nước thải sau xử lý:

- + Vị trí xả thải: Hệ thống thu gom nước thải của KCN TMTC.
- + Số điểm đầu nối: 01
- + Vị trí tọa độ điểm đầu nối (Tọa độ VN2000): X: 1227605.032; Y:575,848.134
- + Phương thức xả thải: Tự chảy
- + Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24

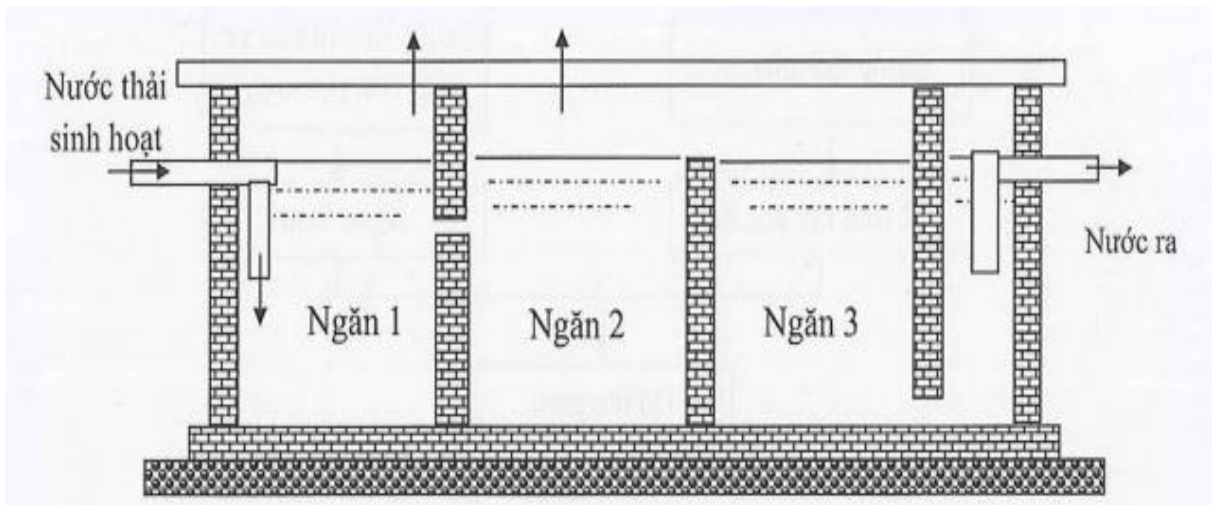
Bản vẽ tổng thể thu gom và thoát nước thải của Nhà máy được đính kèm tại phụ lục.

1.3. Xử lý nước thải

➤ **Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ**

• **Nước thải từ sinh hoạt (bồn cầu, âu tiểu)**

Trên thực tế công ty đã đầu tư các công trình xử lý nước thải sơ bộ tại Nhà máy như sau: Xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn, tổng cộng có 4 bể tự hoại với tổng dung tích 70 m³. Lượng nước thải sinh hoạt từ âu tiểu, bồn cầu của các nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn nhằm loại bỏ các chất hữu cơ và giữ lại cặn trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý tiếp theo.



Hình 3. 3. Kết cấu của bể tự hoại 3 ngăn

Thuyết minh

Bể tự hoại 3 ngăn được xây bằng gạch, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65% - 70% và BODs là 60% - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 - 8 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

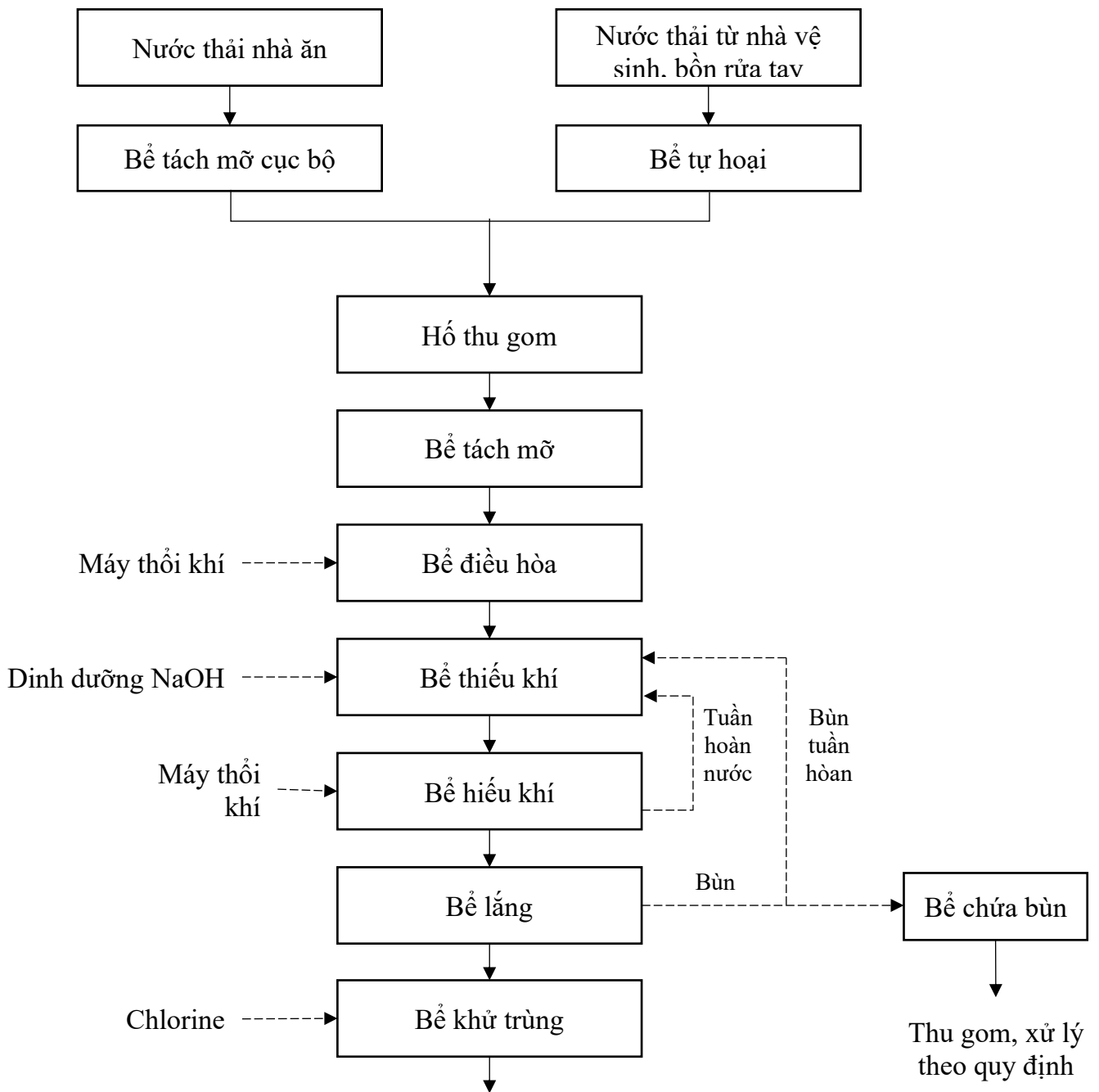
Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba rồi thoát ra hố ga thu gom nước thải của công ty rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của công ty.

Hiệu quả xử lý

Sử dụng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt cho phép đạt hiệu suất tốt, ổn định (Hiệu suất xử lý trung bình theo hàm lượng cặn lơ lửng SS, nhu cầu oxy hóa học COD, nhu cầu oxy sinh hóa BOD5 từ 70 – 75%).

Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu định kỳ và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom bùn thải theo như quy định quản lý bùn thải từ bể tự hoại Điều 3 Thông tư 04/2015/TT- BXD hướng dẫn Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải.

• Hệ thống xử lý nước thải công suất 110 m³/ngày.đêm:



Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận của KCN TMTC

Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ HTXL NT công suất 110 m³/ngày.đêm

Quy chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN TMTC: pH = 5,5-9, TSS = 160 mg/l, COD = 260 mg/l, BOD5 = 180 mg/l, Tổng Nitơ = 35 mg/l (theo hợp đồng thuê lại đất số 001/15 01 2020/TMTC giữa công ty TNHH Phát Triển Khu công Nghiệp TMTC và công ty TNHH Quốc tế may mặc JJJ ngày 15/01/2020).

Thuyết minh quy trình:

Đối với nước thải từ nhà ăn sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ cục bộ trước khi dẫn vào hồ thu gom.

Đối với nước thải từ nhà vệ sinh, bồn rửa tay,... sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi được dẫn vào hồ thu gom.

Nước thải từ hồ thu gom được bơm vào bể tách mỡ, mục đích để tách phần mỡ còn lại trước khi chảy sang bể điều hòa.

Tại bể điều hòa, nước thải sẽ được khuấy trộn bằng đĩa thổi khí để cân bằng bình ổn các chỉ tiêu của nước thải.

Nước thải sau đó được bơm vào bể thiếu khí. Bể thiếu khí hay còn gọi là bể lên men là hệ thống bể xử lý Nitơ trong nước thải bằng các phương pháp sinh học.

Công nghệ xử lý được áp dụng trong bể thiếu khí thường là Nitrat hóa và khử Nitrat. Bể thiếu khí còn có cả chức năng xử lý photpho. Ở bể này việc xử lý chất thải sẽ diễn ra các quá trình như lên men, cắt mạch, khử Nitrat thành Nito,... Tại bể thiếu khí châm NaOH để điều hòa pH cho nước thải và dinh dưỡng cung cấp cho vi sinh vật trong bể.

Trong bể thiếu khí được trang bị máy khuấy chìm với nhiệm vụ khuấy trộn dòng nước liên tục với một tốc độ ổn định nhằm tạo ra môi trường thiếu oxy, giúp vi sinh vật thiếu khí phát triển.

Nước sau bể thiếu khí tự chảy vào bể hiếu khí. Bể hiếu khí là bể xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải dựa vào vi sinh vật hiếu khí. Vi sinh vật hiếu khí lấy các chất ô nhiễm có trong nước thải làm nguồn thức ăn để sinh trưởng và phát triển.

Trong bể hiếu khí thì các vi sinh vật hoạt động ở dạng lơ lửng. Quá trình phân hủy xảy ra khi nước thải gặp các vi sinh vật hiếu khí trong điều kiện cung cấp oxy liên tục (sục khí). Việc sục khí đảm bảo lượng oxy cung cấp đầy đủ và liên tục để duy trì bùn ở trạng thái lơ lửng.

Nước thải sau bể hiếu khí sẽ chảy qua bể lắng. Nước thải có chứa bùn hoạt tính từ bể hiếu khí sẽ được tách bùn tại đây. Lượng bùn hoạt tính mang vi sinh sẽ chìm xuống dưới, một phần đi về bể chứa bùn, phần còn lại sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí cung cấp bùn hoạt tính mang vi sinh cho bể thiếu khí. Sau đó lượng nước này sẽ được chảy vào bể khử trùng, hóa chất khử trùng là dung dịch chlorin, giúp loại bỏ những vi sinh vật có khả năng lây bệnh.

Nước sau hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào KCN.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bể tự hoại, bể tách mỡ, Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra chất lượng các công trình. Khi phát sinh sự cố do bùn cặn, Công ty sẽ thuê đơn vị có chuyên môn hút bùn cặn từ bể tự hoại, mỡ và cặn từ bể tách mỡ nhà ăn để khắc phục.

Hệ thống quan trắc tự động:

Đối với hệ thống xử lý nước thải

Do nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở được xử lý sơ bộ đạt giới hạn tiếp nhận sau đó đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN TMTC để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nên căn cứ theo quy định tại điều 97, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì công trình xử lý môi trường của Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải.

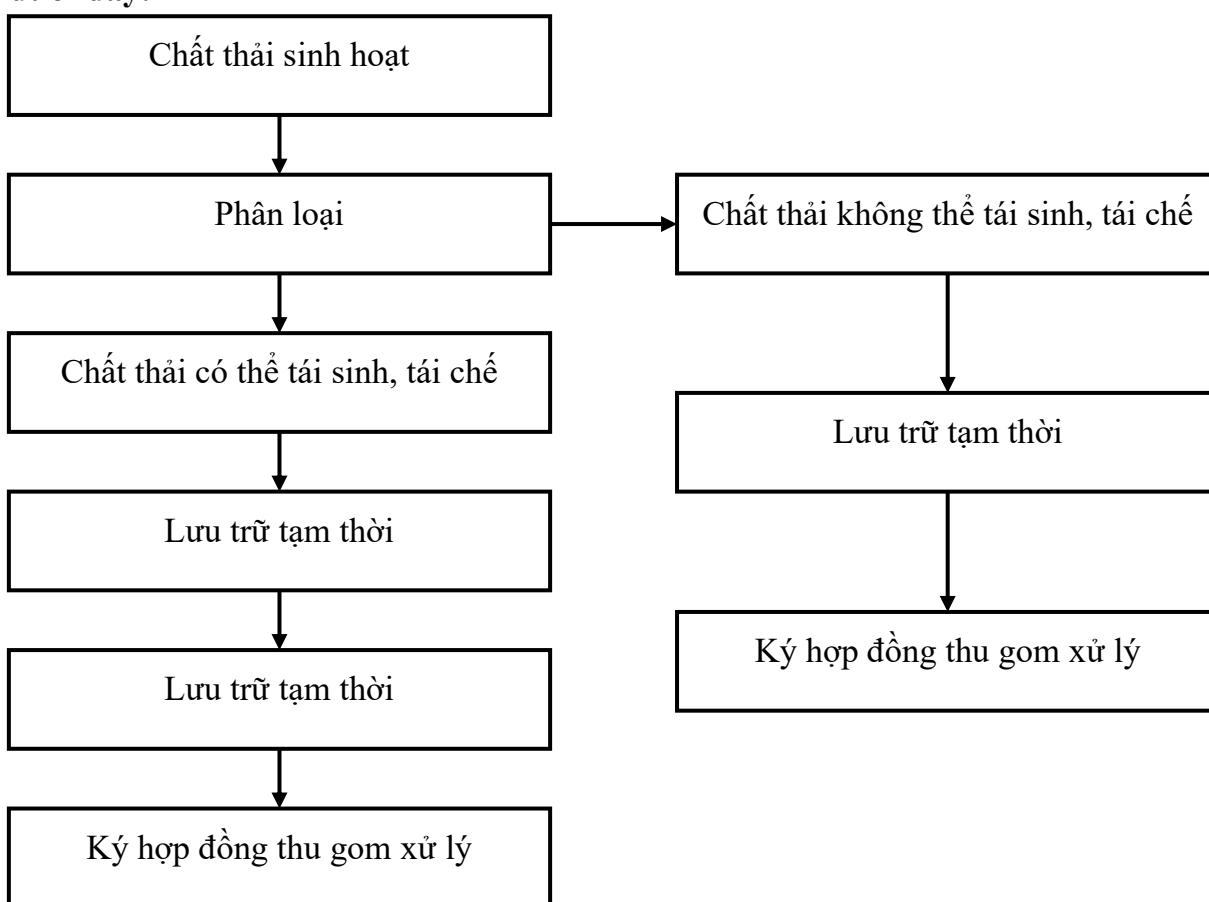
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình sản xuất, Cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp chủ yếu phát sinh bụi vải, chỉ vụn, vải vụn tại các công đoạn như cuốn biên, vắt sỏ, cắt chỉ, may ráp,... Loại chất thải này có kích thước lớn, do đó khi phát sinh công nhân sẽ tự thu gom cho vào sọt rác được đặt ngay tại mỗi máy.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Quy trình thu gom, xử lý chất thải thông thường được trình bày trong hình

dưới đây:



Hình 3.5. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt của dự án

Chất thải rắn sinh hoạt

CTR sinh hoạt, văn phòng không nguy hại (giấy loại, bao bì) phát sinh từ các hoạt động của công nhân viên công ty, trong đó chủ yếu là chất thải từ việc chuẩn bị bữa ăn cho nhân viên, ít có chất thải phát sinh từ xưởng sản xuất vì công ty nghiêm cấm việc đưa thức ăn vào xưởng. Do đó lượng chất thải phát sinh không nhiều.

Bảng 3. 1. Khối lượng phát thải chất thải rắn sinh hoạt

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Số công nhân viên	Người	1.500
2	Hệ số phát sinh chất thải	Kg/ngày	0,4
3	Khối lượng phát sinh	Kg/ngày	600

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

Thành phần chất thải sinh hoạt trong Dự án gồm các thành phần chủ yếu như sau:

- Các chất hữu cơ dễ phân hủy như thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa...
- + Giấy loại từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- + Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh...
- + Kim loại như vỏ hộp, vỏ lon nước uống...
- + Thủy tinh như chai nước bị bể, không sử dụng được...
- + Sành sứ bị bể, không sử dụng được

Trong đó, thành phần chính chủ yếu là chất hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau củ có nguồn gốc từ nhà ăn là các chất dễ bị phân hủy gây mùi hôi thối nếu như không có biện pháp quản lý thích hợp.

Chất thải công nghiệp không nguy hại

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 2. Khối lượng phát thải chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Ghi chú
1	Vải vụn, vải thừa, phế phẩm	1.500	Chiếm 25% vải nguyên liệu
2	Lõi và chỉ hỏng	8,1	Chiếm 9% chỉ nguyên liệu
3	Dây kéo hư, đoạn thừa của dây kéo	10,5	Chiếm 7% dây kéo nguyên liệu
4	Nút hư	9,6	Chiếm 8% nút nguyên liệu
5	Tem, nhãn, mạc vải, nhãn treo hư, vải thừa khi cắt	4,51	Chiếm 8,5% Tem, nhãn, mạc vải, nhãn treo nguyên liệu
6	Dây đai nhăm bị lỗi, đoạn thừa khi cắt	9,1	Chiếm 7% dây đai nhăm nguyên liệu
7	Dây chun bị lỗi, đoạn thừa khi cắt	5,95	Chiếm 7% dây chun nguyên liệu
8	Bao bì thùng carton hỏng	2,18	Chiếm 2% thùng carton nguyên liệu
Tổng cộng		1.550	

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

Công ty TNHH Quốc tế may mặc JLL đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 2023/HD/JLL-VNS với Công ty TNHH Môi Trường Việt Nam Sạch với tần suất thu gom 1 tuần/2 lần.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng phát sinh chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Giá trị (tấn/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Xử lý nước thải	Rắn	7,8	10 02 03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Hoạt động thấp sáng	Rắn	0,24	16 01 06
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Bảo trì máy móc, lau đầu rò rỉ	Rắn	0,18	18 02 01
4	Bao bì mềm thải	Hoạt động sử dụng dầu nhớt bảo trì máy móc	Rắn	0,12	18 01 01
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (thùng đựng dầu, nhớt,...)		Rắn	0,6	18 01 08
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Rắn	0,3	18 01 03
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Văn phòng	Rắn	0,06	08 02 04
8	Chất thải lây nhiễm	Phòng y tế	Rắn	0,54	13 01 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Thiết bị điều khiển	Rắn	0,096	16 01 12
10	Dầu nhớt thải	Bảo trì máy móc	Lỏng	0,66	17 02 04
Tổng				10,6	-

(Nguồn: Công ty TNHH Quốc Tế May Mặc JLL)

Dự án phát sinh CTNH là 10,6 tấn/năm, tương đương 0,035 tấn/ngày.

Diện tích nhà chứa CTNH là 65 m², tải trọng thiết kế là 5 tấn/m².

Tuy nhiên, CTNH sẽ được chứa trong thùng chứa riêng biệt, ước tính tiết diện 1m² sẽ chứa được 0,1 tấn.

Chất thải lưu chứa khoảng 50% diện tích kho còn lại là lối đi và vách ngăn. Do đó, tổng chất thải tối đa có thể lưu chứa trong nhà chứa 3,25 tấn

Do đó, tối đa khoảng 3 tháng/lần dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý.

Từng loại chất thải được phân loại, bố trí trong các thiết bị lưu chứa riêng biệt và được dán nhãn nguy hại theo quy định.

Khi lượng chất thải phát sinh đủ lớn công ty sẽ lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mới cho dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và định kỳ 1 năm/lần lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Công thức thu gom, vận chuyển rác thải:

- Các công nhân làm việc trong nhà máy được quy định bỏ rác theo quy định;
- Công nhân vệ sinh sẽ theo dõi, vệ sinh khu chứa rác;
- Bố trí hợp lý thời gian thu gom rác của đơn vị thu gom rác thải, tránh trùng thời gian xuất, nhập nguyên vật liệu, sản phẩm của nhà máy.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình sản xuất:

Dự án có những biện pháp giảm thiểu các tác động do nguồn tiếng ồn, độ rung gây ra trong quá trình sản xuất:

- Thường xuyên kiểm tra, tra dầu mỡ, bảo trì các thiết bị máy móc;
- Lắp đặt đệm cao su cho các thiết bị có khả năng gây ồn cao;
- Trang bị nút tai chống ồn cho nhân viên làm việc tại các khu vực có khả năng gây ồn cao;
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy vừa tạo cảnh quan vừa giảm tiếng ồn đáng kể do các hoạt động của nhà máy gây ra.

Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông:

- Đặt nội quy xuống xe tắt máy, hạn chế tốc độ dưới 5km/h;
- Phân luồng phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào cơ sở trong các giờ cao điểm hạn chế ách tắc giao thông khu vực;
- Sửa chữa ngay các tuyến đường nội bộ ngay khi phát hiện thấy hư hỏng;

- Xây dựng các gờ chắn nhằm giảm tốc độ của các phương tiện, góp phần giảm tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Công tác phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố cháy nổ

– Hệ thống báo cháy tự động:

+ Hệ thống báo cháy là hệ thống khép kín, quản lý thiết bị đầu vào và đầu ra cũng như hệ thống dây truyền tín hiệu một cách chặt chẽ bất kỳ một sự cố nào đều được báo kịp thời và chính xác. Khi có đám cháy xảy ra, nhiệt độ tăng cao, lửa phát ra các thiết bị đầu báo cho từng loại này cảm nhận được các tín hiệu điện truyền về trung tâm báo cháy chính và phát ra tín hiệu báo cháy (alarm) ở các thiết bị đầu ra (loa, chuông).

+ Truyền báo tín hiệu phát hiện có cháy thành tín hiệu báo động rõ ràng để những người xung quanh có thể thực hiện ngay các biện pháp xử lý thích hợp.

+ Phát hiện cháy nhanh chóng theo các chức năng đã được đề ra.

+ Có khả năng chống nhiễu tốt.

+ Báo hiệu nhanh chóng, rõ ràng các sự cố làm ảnh hưởng đến độ chính xác của hệ thống.

+ Không bị ảnh hưởng bởi các hệ thống khác lắp đặt chung quanh hoặc riêng lẻ.

+ Không bị tê liệt một phần hay toàn bộ do cháy gây ra trước khi phát hiện cháy.

+ Không xảy ra tình trạng báo giả do chất lượng đầu báo kém hoặc sụt áp bộ nguồn trung tâm không tải được.

– Hệ thống chữa cháy:

Hệ thống chữa cháy của Cơ sở là hệ thống chữa cháy vách tường gồm các thiết bị sau:

+ Hạng chờ xe chữa cháy

+ Vòi chữa cháy

+ Hộp PCCC

+ Bình chữa cháy CO₂ 5kg

+ Máy bơm chữa cháy

+ Hồ chứa nước PCCC

+ Trang phục chữa cháy: quần áo, găng tay, ủng chữa cháy,...

– Các biện pháp khác:

+ Hệ thống cấp điện cho sản xuất và hệ thống chiếu sáng được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra. + Các máy móc thiết bị được sử dụng trong sản xuất của Công ty có hồ sơ lý lịch đi kèm và có đầy đủ các thông số kỹ thuật thường xuyên được kiểm tra giám sát.

+ Thành lập đội PCCC, liên hệ với Công an PCCC của địa phương để tập huấn và thực hành thao tác phòng cháy chữa cháy định kỳ 01 năm/lần.

+ Xây dựng các bước ứng cứu kịp thời khi sự cố xảy ra:

Bước 1: Báo động toàn bộ nhà máy, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại nhà máy theo các hướng thoát hiểm.

Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của Công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại nhà máy để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

Bước 3: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

- + Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của KCN;
- + Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114;
- + Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân;
- + Gọi cấp cứu theo số 115 nếu có tai nạn xảy ra;
- + Gọi điện thoại báo cho lãnh đạo của Công ty.

Bước 4: Di tản những tài sản có giá trị mà có thể vận chuyển ra khỏi khu vực của nhà máy.

Phòng ngừa và khắc phục sự cố với bể tự hoại, bể tách dầu

Để phòng ngừa và khắc phục sự cố, Cơ sở áp dụng một số biện pháp như sau:

– Với sự cố tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được, tắc đường ống thoát khí bể tự hoại, bể lắng 3 ngăn gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ theo quy định.

– Với sự cố tắc nghẽn nước thải không thoát được qua bể tách dầu thì phải thường xuyên vớt váng dầu nổi lên trên và rác để nước thải được lưu thông tốt.

– Khi có sự cố, lãnh đạo cơ sở nhanh chóng chỉ đạo để tìm ra nguyên nhân, ưu tiên khắc phục sự cố kịp thời.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

• *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải của phương tiện giao thông ra vào nhà máy:*

– Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của cơ sở, vận hành đúng tải trọng, sử dụng nhiên liệu xăng, dầu có hàm lượng S = 0,001% để giảm thiểu ô nhiễm không khí từ khí thải của phương tiện.

– Bố trí các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở hợp lý

– Phun nước nền đường giao thông nội bộ để giảm bụi và hơi nóng do phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy

– Ban hành nội quy đậu đỗ của các phương tiện giao thông và lập biển báo hướng dẫn tại các lối ra vào của nhà máy.

• *Biện pháp giảm thiểu bụi, nhiệt thừa trong quá trình sản xuất*

Để giảm thiểu bụi, nhiệt thừa trong quá trình sản xuất, nhà máy thực hiện các biện pháp như sau:

– Thiết kế mái nhà xưởng sử dụng vật liệu cách nhiệt để hạn chế sự hấp thụ nhiệt độ từ bức xạ mặt trời.

– Khu vực làm việc của khối văn phòng được tách riêng và cũng được gắn máy điều hòa nhiệt độ.

– Trang bị hệ thống lạnh trung tâm cấp khí lạnh cho toàn bộ các khu vực sản xuất để luôn đảm bảo không khí trong nhà xưởng để vừa tạo môi trường thông thoáng, không khí luân chuyển tốt, vừa đảm bảo nhiệt độ luôn duy trì ở điều kiện tốt nhất (18 – 32^oC).

– Công ty thường xuyên kiểm tra, bảo trì các loại máy móc, thiết bị sản xuất.

– Hàng ngày, công nhân vệ sinh phụ trách thường xuyên thực hiện việc vệ sinh quét dọn, lau chùi văn phòng, nhà xưởng để tạo môi trường làm việc sạch sẽ và hạn chế khuếch tán bụi.

– Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang lọc bụi, kính bảo hộ, bao tay,...

8. Các nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận

Không có thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Các nguồn phát sinh nước thải tại Cơ sở và lưu lượng nước thải phát sinh chi tiết như sau:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên từ rửa tay, lavabo, lau sàn, hầm cầu, âu tiêu; lưu lượng 67,5 m³/ngày ;

+ Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn; lưu lượng 24 m³/ngày;

– Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của Dự án là 91,5 m³/ngày đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa xin cấp phép: 91,5 m³/ngày đêm.

1.3. Dòng nước thải

Số lượng dòng thải đề nghị cấp phép: 01.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi đi qua các bể tự hoại, bể tách dầu của Cơ sở thì sẽ có 01 dòng nước thải sau cùng đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN TMTC được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN TMTC tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Đìa Xù.

1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Nhà máy có 01 vị trí đầu nối nước thải sau hệ thống xử lý tại 01 hố ga đầu nối nước thải đạt giới hạn đầu nối nước thải của KCN TMTC. Tọa độ vị trí hố ga đầu nối nước thải với KCN: X: 1227605.032; Y:575,848.134 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

Phương thức xả nước thải: Tự chảy

Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ, 300 ngày/năm.

Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Nhà máy: KCN TMTC đã xây dựng và đưa vào vận hành modul số 2 của Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho KCN, công suất thiết kế 10.000 m³/ngày đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh Đìa Xù. Đồng thời, KCN đã xây dựng hồ sự cố, dung tích khoảng 44.840 m³. Hồ sự cố đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 30/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

Loại hình sản xuất của Cơ sở là sản xuất hàng may mặc không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở chủ yếu phát sinh bụi, không phát sinh khí thải do đó không có hệ thống xử lý khí thải công nghiệp nên nội dung này không đề cập trong báo cáo.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Khu vực sản xuất
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn đối với độ ồn

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
Tiếng ồn	dBA	≤ 85

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn đối với độ rung

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (khu vực thông thường)
Độ rung	dB	70 dB từ 6 giờ - 21 giờ 60 dB từ 21 giờ - 6 giờ

4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4. 3. Danh mục chất thải nguy hại đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Giá trị (tấn/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Xử lý nước thải	Rắn	7,8	10 02 03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Hoạt động thấp sáng	Rắn	0,24	16 01 06
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Bảo trì máy móc, lau đầu rò rỉ	Rắn	0,18	18 02 01
4	Bao bì mềm thải	Hoạt động sử dụng dầu	Rắn	0,12	18 01 01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Giá trị (tấn/năm)	Mã CTNH
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn (thùng đựng dầu, nhớt,...)	nhớt bảo trì máy móc	Rắn	0,6	18 01 08
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa		Rắn	0,3	18 01 03
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Văn phòng	Rắn	0,06	08 02 04
8	Chất thải lây nhiễm	Phòng y tế	Rắn	0,54	13 01 01
9	Pin, ắc quy chì thải	Thiết bị điều khiển	Rắn	0,096	16 01 12
10	Dầu nhớt thải	Bảo trì máy móc	Lỏng	0,66	17 02 04
Tổng cộng				10,6	-

- **Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

Bảng 4. 4. Danh mục chất thải công nghiệp thông thường đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vải vụn, vải thừa, phế phẩm	1.500
2	Lõi và chỉ hỏng	8,1
3	Dây kéo hư, đoạn thừa của dây kéo	10,5
4	Nút hư	9,6
5	Tem, nhãn, mạc vải, nhãn treo hư, vải thừa khi cắt	4,51
6	Dây đai nhãn bị lỗi, đoạn thừa khi cắt	9,1
7	Dây chun bị lỗi, đoạn thừa khi cắt	5,95
8	Bao bì thùng carton hỏng	2,18
Tổng cộng		1.550

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 4. 5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh xin cấp phép

STT	Thông số	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt của các bộ, công nhân viên làm việc tại dự án	600	220

Công ty cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại và lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại. Đồng thời, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình xử lý chất thải của dự án sẽ được vận hành thử nghiệm sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án đầu tư. Dự kiến bắt đầu vào Quý IV/2023, kết thúc vào quý I/2024.

- Công suất vận hành thử nghiệm đạt được: 60%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

❖ Công trình xử lý nước thải:

- Kế hoạch vận hành đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải:
 - + Thời gian thực hiện: Quý IV/2023 - quý I/2024.
 - + Công suất vận hành thử nghiệm dự kiến: 50%
- Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm: quý II/2024.
- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải: quý II/2024
 - + Mẫu đơn: Được lấy 01 mẫu/lần trong ngày x 3 ngày liên tục, tương đương 03 lần mẫu đơn.
 - + Thời gian đã tiến hành lấy mẫu: Dự kiến lấy mẫu 03 ngày liên tục trong quý II/2024
 - + Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước đầu vào và 01 mẫu nước đầu ra của HTXLNT tập trung.
 - + Thông số quan trắc: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng Nito, Tổng Photpho, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

Để đánh giá hiệu quả của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, chủ dự án dự kiến phối hợp với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh

- Địa chỉ: 606 Đường 30/4, phường 3, Thành phố Tây Ninh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận tại Quyết định số 439/QĐ-BTNMT ngày 15/3/2021 (cấp gia hạn giấy lần thứ 03) đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số **VIMCERTS 040** và được cấp sổ đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường số đăng ký 040/TN-QTMT theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá giám sát chất thải rắn và CTNH

Bảng 5. 1. Kế hoạch quan trắc môi trường

TT	Vị trí	Thông số quan trắc	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Giám sát nước thải				
1	01 điểm tại hố ga đầu nối nước thải với KCN	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng Nito, Tổng Photpho, Coliform.	3 tháng/lần	Quy chuẩn đầu nối nước thải với KCN
Giám sát chất thải rắn và CTNH				
1	Nhà chứa chất thải	Số lượng, thành phần của chất thải	Khi có chất thải phát sinh	-

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quốc Tế may mặc JIL bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Công ty TNHH Quốc Tế may mặc JIL cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường. Đồng thời chúng tôi cam kết một số nội dung cụ thể như sau:

1. Cam kết các chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất của Cơ sở sẽ đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam như sau:

- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý sơ bộ đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của HTXLNT tập trung KCN TMTC trước khi đầu nối.

- Không khí khu vực sản xuất đạt: QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn được thực hiện theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Cam kết thực hiện nghiêm túc kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình sản xuất kinh doanh của Cơ sở. Công ty TNHH Quốc Tế may mặc JIL cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Quốc Tế may mặc JIL cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.